

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 432/GPMT-UBND

Hóc Môn, ngày 04 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về phân công công tác Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn khóa XI, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 5579/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 về phân công công tác Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn khóa XI, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về ủy quyền cho Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện thực hiện một số nhiệm vụ, công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng Trường tiểu học Bà Điểm” tại xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (được thành lập theo Quyết định số 372/QĐ-UBND-NNMT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn) tại cuộc họp ngày 25 tháng 3 năm 2025;

Xét Văn bản số 352/QLDA ngày 06 tháng 03 năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Hóc Môn về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng Trường Tiểu học Bà Điểm” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Hóc Môn.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Hóc Môn, địa chỉ trụ sở chính tại số 814 đường Song Hành Quốc lộ 22, Khu phố 4, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Xây dựng Trường tiểu học Bà Điểm” tại xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng Trường tiểu học Bà Điểm.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Quyết định số 4164/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về tổ chức lại Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Hóc Môn thành Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Hóc Môn.

1.4. Mã số thuế: 0309409951.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Giáo dục.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

a) Diện tích khu đất thực hiện dự án: 10.050,00 m² (theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường).

- Công trình chính (theo trình bày tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của chủ đầu tư): 03 tầng cao, tổng diện tích sàn xây dựng là 9.482,78 m², có 30 phòng học và các phòng chức năng, cụ thể:

+ Khối hành chính - quản trị: 03 tầng cao; bố trí phòng Hiệu trưởng, hiệu phó, hội đồng, tiếp khách, y tế, phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật, văn phòng, kho hành chính, truyền thông, đoàn đội, kho thiết bị, phòng học anh văn, phòng vi tính, phòng âm nhạc, khu vệ sinh, sảnh, hành lang, cầu thang...

+ Khối lớp học: bao gồm 02 khối lớp học; 03 tầng cao; bố trí các phòng học, phòng giám thị, thiết bị vệ sinh, phòng nghỉ giáo viên, khu vệ sinh, sảnh, hành lang, cầu thang...

+ Khối phụ trợ: 03 tầng cao; bố trí nhà ăn, bếp, kho thực phẩm, kho ga, phòng tủ cá nhân, phòng kỹ thuật, kho thiết bị giáo dục, phòng học hội họp, thư viện, phòng đọc, kho sách, sảnh chào cờ, sảnh nhập hàng, hội trường đa năng, khu thay đồ, khu vệ sinh, sảnh, hành lang, cầu thang...

- Công trình phụ trợ: hệ thống cấp điện, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống chiếu sáng, hệ thống cấp nước, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, hệ thống thoát nước (nước mưa, nước thải sinh hoạt), trạm xử lý mùi, khu vực lưu chứa chất thải nguy hại, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

b) Nhóm dự án: Dự án thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công theo quy định tại khoản 4 Điều 10 của Luật đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024 (*dự án thuộc lĩnh vực giáo dục có tổng mức đầu tư từ 90 tỷ đồng đến dưới 1.600 tỷ đồng*)).

hu 

c) Dự án thuộc danh mục dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại số thứ tự 2, mục II, Phụ lục V Phụ lục sửa đổi, bổ sung một số Phụ lục của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

d) Công suất: phục vụ khoảng 1.050 học sinh và 64 giáo viên, cán bộ, công nhân viên (theo nội dung trình bày tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của chủ đầu tư).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Hóc Môn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Hóc Môn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Giấy phép môi trường này được cấp cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Hóc Môn, kèm theo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải đối với hoạt động của dự án; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Chủ dự án thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Hóc Môn có trách nhiệm tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch có liên quan, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; thực hiện hoàn tất thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, pháp luật về xử lý, sắp xếp nhà, đất, tài sản,... (nếu có) đối với địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Giấy phép môi trường có thể chấm dứt trước thời hạn trên theo kết quả giải quyết, xử lý có liên quan của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp Giấy phép môi trường có nội dung thay đổi hoặc Giấy phép môi trường hết hạn, Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và quy định khác liên quan.

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện phối hợp Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT.UBND huyện: CT, PCT/ĐT (để báo cáo);
- P.NN và MT huyện: TP, PTP/MT;
- UBND xã Bà Điểm;
- VP.HĐND và UBND huyện: CVP, PCVP/ĐT;
- Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Hóc Môn;
- Cổng Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT (01b), P.NNMT (01b), M.09.

**TUQ.CHỦ TỊCH
TRƯỞNG PHÒNG
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**



Đương Văn Phúc



PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 432/GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải đen (từ bồn cầu, bồn tiểu) phát sinh từ các nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải xám (từ lavabo, phễu thu nước sàn, tắm rửa) phát sinh từ các nhà vệ sinh.
- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động của nhà ăn.
- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động vệ sinh nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt, thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được dẫn đến hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Kênh T2, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

a) Vị trí đầu nối xả thải: Hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Kênh T2, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X: 1.198.005; Y: 592.547 (theo nội dung trình bày tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và chủ dự án tự chịu trách nhiệm đối với tọa độ vị trí xả thải).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $55 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (24 giờ) $\sim 2,29 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống dẫn nước thải đến vị trí xả vào nguồn tiếp nhận theo tọa độ vị trí xả thải và phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: liên tục trong ngày (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B ($K=1$), cụ thể như sau:

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

a) Nguồn số 01: Nước thải từ bồn cầu, bồn tiểu phát sinh từ các nhà vệ sinh trong trường học được thu gom theo các ống thoát nước thải uPVC đường kính DN100 dẫn về 04 bể tự hoại (tổng thể tích 40,5 m³). Nước thải sau khi xử lý tại các bể tự hoại theo các tuyến ống đường kính 114mm dẫn kết nối với ống đường kính 200mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 55 m³/ngày đêm để xử lý.

b) Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ lavabo, bồn rửa, phễu thu sàn,... của dự án được thu gom theo các tuyến ống uPVC đường kính 60mm, 90mm, 114mm dẫn kết nối với ống 200mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 55 m³/ngày đêm để xử lý.

c) Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn của dự án được thu gom theo các tuyến ống uPVC đường kính 90mm kết nối với ống 200mm dẫn về bể tách mỡ để xử lý sơ bộ trước khi kết nối với đường ống 200mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 55 m³/ngày đêm để xử lý.

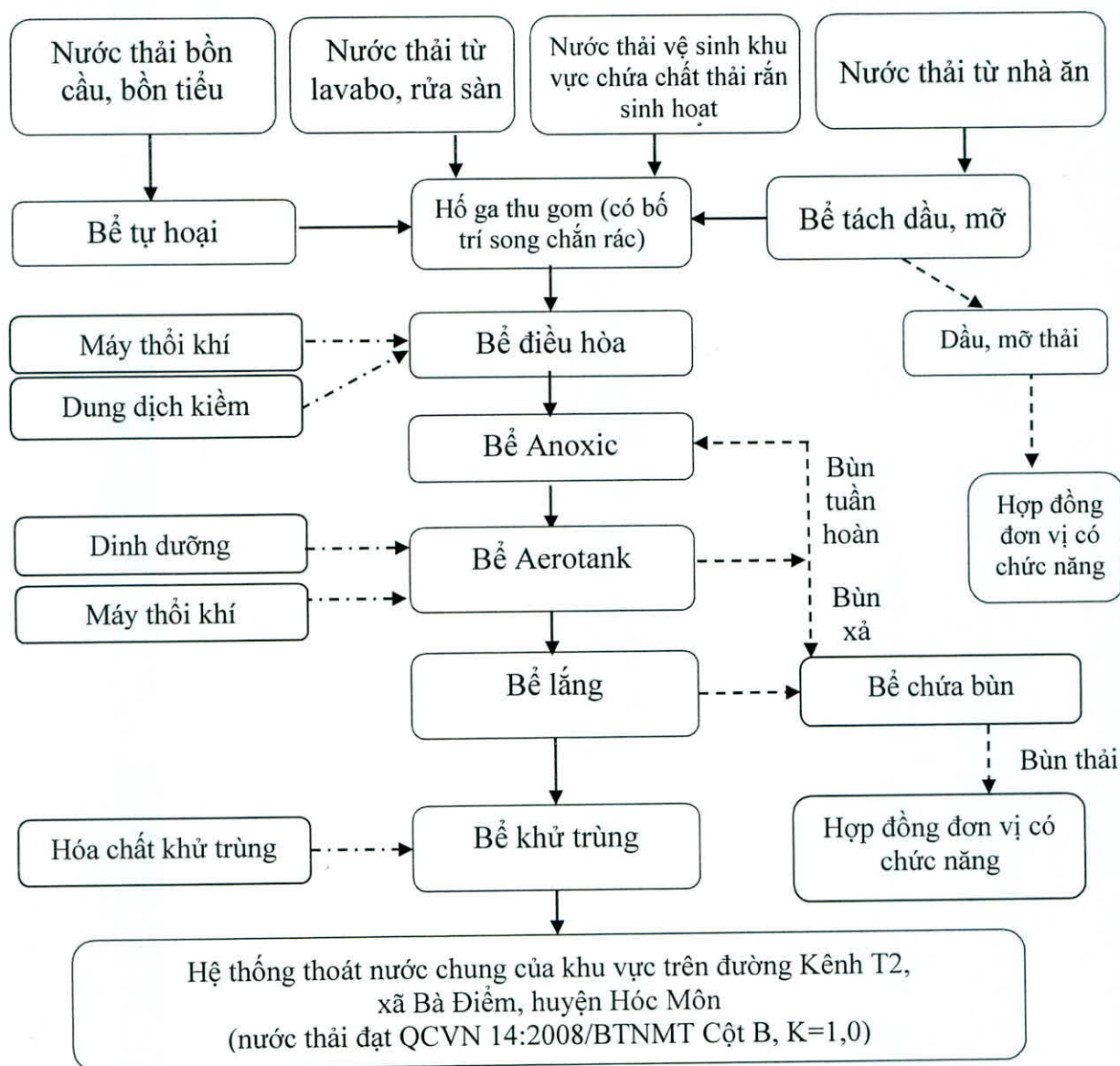
d) Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh thùng chứa chất thải, vệ sinh khu vực lưu chứa chất thải được thu gom theo các tuyến ống uPVC đường kính 42mm kết nối với ống 200mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 55 m³/ngày đêm để xử lý.

đ) Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, (K=1) được thoát ra cống thoát nước chung trên đường Kênh T2, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



- Công suất thiết kế: 55 m³/ngày đêm (24 giờ).

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: hóa chất khử trùng, dung dịch kiềm, dung dịch dinh dưỡng (hoặc các hóa chất tương đương).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, thực hiện vận hành và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải; đảm bảo vận hành hệ

thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, quy trình, công suất; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Thường xuyên kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến ống dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí rò rỉ nước thải.

- Định kỳ thực hiện nạo vét, khơi thông hệ thống đường cống thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn theo định kỳ.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ, luân chuyển trong các bể của hệ thống xử lý nước thải. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, nước thải sẽ được bơm vào xe bồn trung chuyển đến các trạm gần nhất để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: khi đã hoàn thành việc thực hiện xây dựng các công trình xử lý chất thải theo giấy phép môi trường; lập hồ sơ hoàn thành công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về xây dựng (có biên bản bàn giao nghiệm thu giữa chủ đầu tư, nhà thầu thi công, giám sát thi công công trình xử lý chất thải) và có quy trình vận hành bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Chủ dự án đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn thành công trình xử lý chất thải.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: chủ dự án đầu tư quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm và phải bảo đảm đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 55 m³/ngày đêm (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải;
- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải (đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, (K = 1)).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số: Lưu lượng, pH, BOD₅ (20°C), TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng Coliforms.



- Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K = 1).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

Chủ đầu tư đề xuất chương trình quan trắc đối với hệ thống xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành ổn định như sau:

TT	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Loại mẫu	Chỉ tiêu	Quy chuẩn so sánh
1	Đầu vào hệ thống xử lý	01 mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định	Mẫu đơn	Lưu lượng, pH, BOD ₅ (20°C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P), tổng Coliforms.	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K = 1)
2	Sau hệ thống xử lý	01 lần/ngày trong 03 ngày liên tiếp (03 mẫu)	Mẫu đơn		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Không được phép xả nước thải chưa đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý chất thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử

nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chủ dự án đầu tư thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp giấy phép môi trường (Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn) trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường (Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn) trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải phải bảo đảm đầy đủ kết quả quan trắc chất thải theo kế hoạch vận hành thử nghiệm được nêu trong giấy phép môi trường. Sau khi hoàn thành quan trắc chất thải theo số lượng, tần suất được nêu trong giấy phép môi trường, chủ dự án đầu tư không phải tiếp tục quan trắc chất thải trong thời gian còn lại của kế hoạch vận hành thử nghiệm.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Dự án; đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Kênh T2). Đảm bảo thực hiện đúng nội dung kiến nghị về việc cải tạo hệ thống thoát nước từ vị trí đầu nối ra đường Kênh T2 để đảm bảo thoát nước tại khu vực trước khi thực hiện dự án Xây dựng Trường tiểu học Bà Điểm theo cam kết tại văn bản số 1801/QLDA ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại mục 2 Công văn số 1342/UBND-QLĐT ngày 03/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thỏa thuận đầu nối thoát nước mưa và nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại dự án Xây dựng Trường Tiểu học Bà Điểm, xã Bà Điểm. Xây dựng hố ga đầu nối nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.6. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

3.7. Chủ dự án có trách nhiệm vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án theo Giấy phép môi trường đã được cấp theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3.8. Chủ dự án phải có biện pháp kiểm soát vi sinh tại bể Aerotank khi hệ thống xử lý nước thải bị gián đoạn do sự cố mất điện.

3.9. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số H32 /GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ ống thoát khí thải của hệ thống xử lý nước thải công suất 55m³/ngày đêm (có lắp đặt hệ thống quạt hút mùi).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: khu vực thực hiện dự án xây dựng trường Tiểu học Bà Diễm, xã Bà Diễm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải (mùi) của hệ thống xử lý nước thải công suất 55 m³/ngày đêm. Tọa độ vị trí xả thải: X = 1.198.037; Y= 592.511 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 500 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải 55m³/ngày đêm xả ra môi trường qua ống thoát khí thải cao 7m, đường kính ống thoát khí 200mm; xả khí thải liên tục (24 giờ) (theo trình bày của Chủ đầu tư).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p=1, K_v= 0,8) và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	50	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo

2	Hydro sunfua (H ₂ S)	mg/Nm ³	7,5	theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ	quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ
3	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	15		

Ghi chú:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành lộ trình thực hiện sớm hơn.

Tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép môi trường của chủ dự án, áp dụng QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được thu gom bằng quạt hút đồng trục, thông qua các đường ống uPVC D100mm dài 5-7m dẫn đến tháp hấp thụ của hệ thống xử lý. Khí thải sau khi xử lý thoát ra môi trường thông qua đường ống uPVC có đường kính 200mm, chiều cao 7m (tính từ mặt đất).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

a) Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải, mùi từ hệ thống xử lý nước thải → ống thu gom → quạt hút → tháp hấp thụ → ống thoát khí thải.

b) Công suất thiết kế: Quạt hút có lưu lượng 500 m³/giờ, công suất motor 0,4kW/380V/50Hz; ống thoát khí thải uPVC có chiều dài 7m (tính từ nền hoàn thiện), đường kính DN200mm.

c) Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch NaOH, than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

a) Đảm bảo vận hành theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.

b) Thường xuyên kiểm tra hoạt động của thiết bị, kiểm tra việc rò rỉ và khắc phục, sửa chữa, thay thế đường ống nếu có hư hỏng.

c) Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống thông gió như quạt hút, ống dẫn để kịp thời thay thế nếu hư hỏng.

d) Đảm bảo vận hành thường xuyên hệ thống xử lý chất thải đúng kỹ thuật.

đ) Trong trường hợp nếu có sử dụng máy phát điện khi có sự cố xảy ra thì phải đảm bảo các thông số bụi tổng, Cacbon oxit (CO), Lưu huỳnh đioxit (SO_2), Nitơ oxit, NO_x (tính theo NO_2) theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p=1$, $K_v=0,8$).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bụi, khí thải phát sinh tại dự án phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,8$), Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20: 2009/BTNMT.

3.4. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 432 /GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị khi vận hành của hệ thống xử lý nước thải. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X = 1.198.033; Y = 592.509.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	55	45	Không	Khu vực đặc biệt

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	Không	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

a) Nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải được thiết kế kín, có cửa ra vào nhằm hạn chế tiếng ồn. Sử dụng hệ thống bơm chìm đối với các bơm nước thải và nước cấp.

b) Bảo trì, bảo dưỡng máy bơm theo định kỳ, thay những chi tiết hư hỏng, thay thế kịp thời các máy bơm đã xuống cấp như hướng dẫn của nhà sản xuất.

c) Trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án để hạn chế tiếng ồn và điều hòa không khí trong khu vực Dự án.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

Nền bệ máy thiết bị phải bằng phẳng và chắc chắn nhằm tránh gây ra hiện tượng cộng hưởng rung động, giảm thiểu rung lắc.

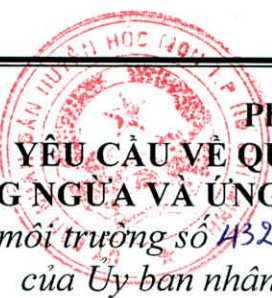
2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án.

2.3. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của Dự án.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 432 /GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn	5
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	3
3	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 05	Rắn	5
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	5
5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	3
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	3
Tổng cộng				24

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	Bùn	5.100

lm *mm*

2	Bùn thải từ bể tự hoại	-	Bùn	50.130
3	Cặn mỡ từ bể tách dầu mỡ		Lỏng/bùn	1.080
Tổng khối lượng				56.310

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	195.912

1.4. Khối lượng chất thải y tế phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn/lỏng	1,5
Tổng khối lượng				1,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực lưu chứa: được bố trí cạnh nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt.
- Diện tích: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo: nhà chứa chất thải nguy hại được bố trí là phòng kín được xây dựng nền bê tông chống thấm, có cửa khóa, có biển cảnh báo; có trang bị bình chữa cháy, vật liệu thấm hút để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải từ bể tự hoại

- Khu vực lưu chứa: xây dựng âm trong khu vực dự án.
- Thể tích: Bùn từ bể tự hoại được lưu chứa trong 4 bể tự hoại có tổng thể tích 40,5 m³.
- Thiết kế, cấu tạo: Tường, đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép chống thấm.

2.2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

- Khu vực lưu chứa: xây dựng tại khu vực hệ thống xử lý nước thải.

- Diện tích: Bùn từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa trong bể chứa bùn thể tích 8,4 m³.

- Thiết kế, cấu tạo: Tường, đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép chống thấm.

2.2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ dầu mỡ từ bể tách dầu mỡ

- Khu vực lưu chứa: xây dựng tại khu vực nhà ăn.

- Thể tích: Dầu mỡ từ bể tách dầu mỡ được lưu chứa trong ngăn chứa mỡ của bể tách dầu, thể tích bể tách mỡ 4,5m³.

- Thiết kế, cấu tạo: Tường, đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép chống thấm.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Khu vực lưu chứa: được bố trí gần bãi xe giáo viên.

- Diện tích: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo: nền bê tông chống thấm, có mái tôn, tường xung quanh xây bằng tôn, có cửa ra vào, có bố trí phễu thu nước; nước vệ sinh sàn, nước rửa thùng thu vào phễu thu nước bố trí ở góc phòng sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

a) Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định pháp luật.

c) Chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom và tập trung tại khu vực tập kết, sau đó thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1) Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2) Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3) Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 432 /GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Nguồn khí thải không phải kiểm soát là khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, được thoát ra từ bề mặt hệ thống xử lý nước thải. Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

2. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc tổ chức triển khai xây dựng các hạng mục công trình của dự án theo đúng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo phù hợp với chủ trương đầu tư, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch về đất đai và các quy hoạch khác có liên quan, quy hoạch mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư công, sắp xếp lại, xử lý tài sản công, đất đai, xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

8. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.